

**HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT ĐỀ THI MINH HỌA THPT QUỐC GIA NĂM 2019**

**MÔN: TIẾNG ANH**

**THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM**

Question 1	A	Question 11	C	Question 21	C	Question 31	D	Question 41	A
Question 2	C	Question 12	B	Question 22	A	Question 32	C	Question 42	C
Question 3	D	Question 13	A	Question 23	A	Question 33	C	Question 43	B
Question 4	C	Question 14	D	Question 24	A	Question 34	C	Question 44	B
Question 5	C	Question 15	B	Question 25	D	Question 35	B	Question 45	B
Question 6	C	Question 16	B	Question 26	B	Question 36	B	Question 46	A
Question 7	A	Question 17	D	Question 27	D	Question 37	B	Question 47	B
Question 8	B	Question 18	D	Question 28	D	Question 38	D	Question 48	A
Question 9	A	Question 19	C	Question 29	B	Question 39	A	Question 49	C
Question 10	A	Question 20	B	Question 30	C	Question 40	B	Question 50	B

**Question 1:**

**Kiến thức:** Phát âm “-ed”

**Giải thích:**

Đuôi “ed” được phát âm là /ɪd/ khi âm tận cùng trước nó là /t/, /d/

Đuôi “ed” được phát âm là /t/ khi âm tận cùng trước nó là /s/, /p/, /f/, /ʃ/, /tʃ/, /k/

Đuôi “ed” được phát âm là /d/ khi âm tận cùng trước nó là các âm còn lại.

washed /wɒʃt/

formed /fɔ:m/

turned /tɜ:n/

boiled /bɔɪl/

Phần được gạch chân ở câu A được phát âm là /t/, còn lại là /d/.

**CHỌN A**

**Question 2:**

**Kiến thức:** Phát âm “-ou”

**Giải thích:**

house /haus/

mouth /maʊθ/

could /kud/ hoặc /kəd/

found /faʊnd/

Phần được gạch chân ở câu C được phát âm là /ʊ/ hoặc /ə/, còn lại phát âm là /aʊ/.

### CHỌN C

#### Question 3:

**Kiến thức:** Trọng âm từ có 2 âm tiết

**Giải thích:**

inform /ɪn'fɔ:m/

explore /ɪk'splɔ:r/

prevent /prɪ'vent/

cancel /'kænsəl/

Câu D trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất, còn lại âm tiết 2.

### CHỌN D

#### Question 4:

**Kiến thức:** Trọng âm từ có 3 âm tiết

**Giải thích:**

attitude /'ætɪtju:d/

manager /'mænɪdʒə:/

invention /ɪn'veɪʃn/

company /'kʌmpəni/

Câu C trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2, còn lại rơi vào âm tiết 1.

### CHỌN C

#### Question 5:

**Kiến thức:** Mạo từ

**Giải thích:**

“world” (thế giới) là vật thể duy nhất nên dùng mạo từ xác định “the” => around the world

**Tạm dịch:** Nhiều phụ huynh hi vọng du lịch vòng quanh thế giới trong mùa hè tới.

### CHỌN C

#### Question 6:

**Kiến thức:** Câu điều kiện loại 1

**Giải thích:**

Câu điều kiện loại 1 diễn tả sự việc có thể xảy ra ở hiện tại hoặc tương lai.

Cấu trúc: If + S + V (thì hiện tại đơn), S + will/ can + V

**Tạm dịch:** Nếu bạn xem phim này, bạn **sẽ học hỏi** được về văn hóa của các nước Đông Nam Á.

## CHỌN C

### Question 7:

**Kiến thức:** Thì quá khứ đơn & quá khứ tiếp diễn

**Giải thích:**

Thì quá khứ đơn (Ved/ V2) dùng để diễn tả hành động xảy ra trong quá khứ; hành động khác xen vào dùng thì quá khứ tiếp diễn (was/ were V-ing).

Cấu trúc: S + Ved/ V2 while + S + was/ were + V-ing

**Tạm dịch:** Paul đã chú ý thấy quảng cáo việc làm trong khi anh ấy đang đi bộ trên đường.

## CHỌN A

### Question 8:

**Kiến thức:** Liên từ

**Giải thích:**

since: kể từ khi; since = for = because + S + V: bởi vì

although + S + V = in spite of + noun/ V-ing: mặc dù

because of + noun/ V-ing: bởi vì

**Tạm dịch:** Năng lượng mặt trời không được sử dụng rộng rãi **mặc dù** nó thân thiện với môi trường.

## CHỌN B

### Question 9:

**Kiến thức:** Giới từ

**Giải thích:**

Cụm từ: warn (somebody) **about/against** somebody/something: cảnh báo ai về việc gì

**Tạm dịch:** Biển báo này cảnh báo mọi người về sự nguy hiểm khi bơi trong dòng sông này.

## CHỌN A

### Question 10:

**Kiến thức:** Rút gọn hai mệnh đề cùng chủ ngữ

**Giải thích:**

Khi hai mệnh đề cùng một chủ ngữ, ta có thể rút gọn một mệnh đề mang nghĩa chủ động về dạng V-ing hoặc On + cụm danh từ

**Tạm dịch:** **Khi đến bữa tiệc**, họ ngạc nhiên khi thấy ban nhạc yêu thích của mình đang chơi ở đây.

## CHỌN A

### Question 11:

**Kiến thức:** Rút gọn hai mệnh đề cùng chủ ngữ

**Giải thích:**

Khi hai mệnh đề cùng một chủ ngữ, ta có thể rút gọn một mệnh đề mang nghĩa bị động về dạng Ved/ V3.

**Tạm dịch:** Khi được sản xuất số lượng lớn, những sản phẩm này sẽ có giá hợp lý hơn.

## CHỌN C

### Question 12:

**Kiến thức:** Dạng của động từ sau “remember”

### Giải thích:

remember + to V: nhớ việc cần làm nhưng chưa làm

remember + V-ing: nhớ việc đã xảy ra rồi

Dạng bị động: remember + being + Ved/ V3

**Tạm dịch:** Jane sẽ không bao giờ quên việc được trao giải nhất trong một cuộc thi danh giá như vậy.

## CHỌN B

### Question 13:

**Kiến thức:** Từ loại

### Giải thích:

Sau động từ “save” cần danh từ để bổ trợ nghĩa.

electricity (n): điện

electrify (v): truyền điện

electric (a): điện tử

electrically (adv)

**Tạm dịch:** Bạn nên tắt đèn trước khi đi ra ngoài để tiết kiệm điện.

## CHỌN D

### Question 14:

**Kiến thức:** Từ vựng

### Giải thích:

gain (v): đạt được

receive (v): nhận

improve (v): cải thiện, trau dồi

raise (v): tăng (giá cả)

**Tạm dịch:** Việc tăng học phí có thể cản trở sinh viên học đại học.

## CHỌN D

### Question 15:

**Kiến thức:** Cụm từ

### Giải thích:

do harm to sb/ sth: gây hại cho ai/ cái gì

**Tạm dịch:** Uống quá nhiều rượu được cho rằng có hại cho sức khỏe.

## CHỌN B

### Question 16:

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

degree (n): cấp độ, bằng cấp

certificate (n): chứng chỉ hoàn thành khóa học

diploma (n): văn bằng, bằng cấp

qualification (n): khả năng, trình độ chuyên môn

**Tạm dịch:** Cuối khóa đào tạo, mỗi người tham gia sẽ được trao một **chứng chỉ** hoàn thành khóa học.

## CHỌN B

### Question 17:

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

redundantly (adv): dồi dào, phong phú

intensively (adv): sâu sắc, sâu rộng

marginally (adv): nhẹ nhàng

excessively (adv): quá mức

**Tạm dịch:** Mức độ ô nhiễm **quá** cao ở các vùng duyên hải là một vấn đề quan ngại lớn với chính phủ.

## CHỌN D

### Question 18:

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:** Cụm từ

leave nothing to chance: không có sơ sót gì

**Tạm dịch:** Những người tổ chức sự kiện nên lên kế hoạch mọi thứ cẩn thận để không có sơ sót gì.

## CHỌN D

### Question 19:

**Kiến thức:** Từ đồng nghĩa

**Giải thích:**

be regarded as: được xem như là

promise (v): hứa

doubt (v): nghi ngờ

be considered as: được xem xét/ cân nhắc như là

refuse (v): từ chối

=> be regarded as = be considered as

**Tạm dịch:** Sự phát hiện ra hành tinh mới được xem như là một bước đột phát lớn trong ngành thiên văn học.

## CHỌN C

### Question 20:

**Kiến thức:** Từ đồng nghĩa

**Giải thích:**

get round (v): thuyết phục

permit (v): cho phép

persuade (v): thuyết phục

offer (v): đề nghị/ dâng tặng

support (v): ủng hộ

=> get round = persuade

**Tạm dịch:** Mary cuối cùng đã thuyết phục được bố mẹ nghiêm khắc của mình cho phép cô ấy đi du lịch 3 ngày với các bạn cùng lớp.

## CHỌN B

### Question 21:

**Kiến thức:** Từ trái nghĩa

**Giải thích:**

deter (v): ngăn cản, cản trở

prohibit (v): ngăn cản

protect (v): bảo vệ

encourage (v): khuyến khích

limit (v): giới hạn

=> deter >> encourage

**Tạm dịch:** Ùn tắc giao thông cản trở nhiều người dùng ô tô riêng vào giờ cao điểm.

## CHỌN C

### Question 22:

**Kiến thức:** Từ trái nghĩa

**Giải thích:**

once in a while (exp): thỉnh thoảng

regularly (adv): thường xuyên

attentively (adv): một cách chăm chú

occasionally (adv): thỉnh thoảng

selectively (adv): một cách có chọn lọc

=> once in a while >> regularly

**Tạm dịch:** Ngày nay, nhiều người chỉ thỉnh thoảng đọc báo in vì họ xu hướng cập nhật tin tức trực tuyến.

### CHỌN A

#### Question 23:

**Kiến thức:** Ngôn ngữ giao tiếp

#### Giải thích:

Jack đang mời Mary đến bữa tiệc của anh ấy.

- Jack: “ Bạn đến bữa tiệc của mình cuối tuần này nhé?”

- Mary: “            ”

A. Vâng, mình rất thích.

B. Không, đừng lo lắng. => không hợp ngữ cảnh

C. Không có chi. (dùng để trả lời khi được người khác cảm ơn) => không hợp ngữ cảnh

D. Mình e rằng như thế. => không hợp ngữ cảnh

### CHỌN A

#### Question 24:

**Kiến thức:** Ngôn ngữ giao tiếp

#### Giải thích:

Laura và Mitchell đang nói về giáo án trường học của họ.

- Laura: “ Mình nghĩ Mỹ thuật nên là môn học bắt buộc.”

- Mitchell: “ \_\_\_\_\_ . Mỹ thuật giúp phát triển sự sáng tạo.”

A. Mình khá là đồng ý.

B. Bạn đang đùa à. => không hợp ngữ cảnh

C. Mình có ý kiến ngược lại. => không hợp ngữ cảnh

D. Mình không nghĩ đó là ý kiến hay. => không hợp ngữ cảnh

### CHỌN A

#### Question 25:

**Kiến thức:** Liên từ

#### Giải thích:

A. while: trong khi

B. however: tuy nhiên

C. despite: mặc dù

D. therefore: vì vậy

If Facebook were a country, it would be the third largest in the world by population (The Economist, 2010). It is

(25) **therefore** not surprising that so many psychologists, sociologists, and others are eager to give their

thoughts on how this is impacting negatively on our society.

**Tạm dịch:** Nếu Facebook là một quốc gia, nó sẽ là quốc gia lớn thứ ba trên thế giới theo dân số (The Economist, 2010). Vì vậy không ngạc nhiên khi có rất nhiều nhà tâm lý học, các nhà xã hội học và những người khác đang háo hức đưa ra những suy nghĩ của họ về vấn đề điều này tác động tiêu cực đến xã hội của chúng ta như thế nào.

### CHỌN D

#### Question 26:

**Kiến thức:** Đại từ quan hệ

**Giải thích:**

- A. what : cái gì – thay thế cho vật
- B. who : ai – thay thế cho người làm chủ ngữ
- C. which : cái nào – thay thế cho vật
- D. whom: người nào – thay thế cho người làm tân ngữ

Ở đây, trước phần để trống là “friends – người”, phía sau là “are – tobe” => Sử dụng đại từ thay thế cho người làm chủ ngữ => “who”

The biggest criticism levelled at social networking is that young people are losing their offline friends to online friends (26) **who** are unable to provide the same deep connection and emotional support.

**Tạm dịch:** Những phê bình lớn nhất ở mạng xã hội là những người trẻ tuổi đang mất đi bạn bè ngoại tuyến thay thế bằng bạn bè trực tuyến những người không thể giúp đỡ sâu hơn và hỗ trợ tinh thần.

### CHỌN B

#### Question 27:

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

- A. uninvolved (a): không bao gồm
- B. unequalled (a): không ai bằng
- C. unsettled (a): không ổn định
- D. unfounded (a): không có căn cứ

However, a lot of research shows these criticisms are generally (27) **unfounded**.

**Tạm dịch:** Tuy nhiên, rất nhiều nghiên cứu cho thấy những lời chỉ trích này nói chung là không có căn cứ.

### CHỌN D

#### Question 28.

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

- A. making (v): làm
- B. providing (v): cung cấp

C. combining (v): kết hợp

D. substituting (v): thay thế

substitute sb with sb: thay thế ai với ai

One study by the Pew Internet and American Life Project (2009) found that people are not (28) **substituting** offline friends with online companions but are using them to support their offline relationships.

**Tạm dịch:** Một nghiên cứu của Pew Internet và American Life Dự án (2009) thấy rằng mọi người không thay thế bạn bè bên ngoài với bạn trực tuyến nhưng đang sử dụng chúng để hỗ trợ các mối quan hệ bên ngoài của họ.

### CHỌN D

#### Question 29.

**Kiến thức:** Từ loại

#### Giải thích:

A. vary (v): biến đổi

B. variety (n): trạng thái khác nhau

C. various (a): khác nhau

D. variously (adv): một cách khác biệt

Trước từ cần điền là một tính từ “wide”, nên cần danh từ sau đó.

The study also found that social networks allow us to have discussions with a much more diverse set of people than in the real world, so we share knowledge with people from a wide (29) **variety** of backgrounds

**Tạm dịch:** Nghiên cứu cũng phát hiện ra rằng các mạng xã hội cho phép chúng ta thảo luận với một nhóm người đa dạng hơn nhiều so với trong thế giới thực, vì vậy chúng tôi chia sẻ kiến thức với mọi người từ một nền tảng rộng lớn khác nhau.

### CHỌN B

#### Dịch bài đọc:

Những tiến bộ trong công nghệ mobile và các trang web mạng xã hội có nghĩa là chúng ta dành nhiều thời gian cho việc online hơn bao giờ hết. Nếu Facebook là một quốc gia, nó sẽ là quốc gia lớn thứ ba trên thế giới theo dân số (The Economist, 2010). Vì vậy không ngạc nhiên khi có rất nhiều nhà tâm lý học, các nhà xã hội học và những người khác đang hào hứng đưa ra những suy nghĩ của họ về vấn đề điều này tác động tiêu cực đến xã hội của chúng ta như thế nào.

Những phê bình lớn nhất ở mạng xã hội là những người trẻ tuổi đang mất đi bạn bè ngoại tuyến thay thế bằng bạn bè trực tuyến những người không thể giúp đỡ sâu hơn và hỗ trợ tinh thần. Tuy nhiên, rất nhiều nghiên cứu cho thấy những lời chỉ trích này nói chung là không có căn cứ. Allen et al. (2010) phát hiện ra rằng đó là những thanh thiếu niên xã hội, những người có nhiều khả năng có hồ sơ mạng hơn so với những người không có. Một nghiên cứu của Pew Internet và American Life Dự án (2009) thấy rằng mọi người không thay thế bạn bè bên ngoài với bạn trực tuyến nhưng đang sử dụng chúng để hỗ trợ các mối quan hệ bên ngoài của họ. Nghiên

cứ cũng phát hiện ra rằng các mạng xã hội cho phép chúng ta thảo luận với một nhóm người đa dạng hơn nhiều so với trong thế giới thực, vì vậy chúng tôi chia sẻ kiến thức với mọi người từ một nền tảng rộng lớn khác nhau.

**Question 30:**

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:**

Tiêu đề chính của đoạn văn là gì?

- A. Bộ phim " Notting Hill "
- B. Thành phố Luân Đôn
- C. Chợ Portobello
- D. Ẩm thực châu Âu

**Thông tin:** However, visitors seeking a glimpse into the city's everyday life should not miss Portobello Market, which is the most-visited market in London.

**Tạm dịch:** Tuy nhiên, du khách khi nhìn thoáng qua cuộc sống hàng ngày của thành phố không nên bỏ lỡ Chợ Portobello, là chợ được nhiều du khách ghé thăm nhất ở Luân Đôn.

**CHỌN C**

**Question 31:**

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:**

Theo đoạn văn, Chợ Portobello đã được đề cao trong những điều sau TRỪ\_\_\_\_\_

- A. những bộ phim
- B. những tài liệu
- C. những cuốn sách
- D. những bài hát

**Thông tin:** This vibrant market has been featured in a number of **films**, **documentaries** and bestselling **books**, the most famous being the film "Notting Hill" starring Hugh Grant and Julia Roberts, which brought Portobello Market to the attention of audiences all over the world.

**Tạm dịch:** Khu chợ sôi động này đã được giới thiệu trong một số bộ phim, phim tài liệu và những cuốn sách bán chạy, nổi tiếng nhất là bộ phim " Notting Hill " với sự tham gia của Hugh Grant và Julia Roberts, đưa chợ Portobello đến với sự chú ý của khán giả trên khắp thế giới.

**CHỌN D**

**Question 32:**

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:**

Từ “**they**” trong đoạn 3 gần nghĩa với từ \_\_\_\_\_

- A. giá cả
- B. mặc cả
- C. những người mua và người bán
- D. cuối tuần

**Thông tin:** It seems that both buyers and sellers look forward to the weekends when **they** can meet and escape the city's fast pace at Portobello Market.

**Tạm dịch:** Dường như cả người mua và người bán đều mong đợi những ngày cuối tuần khi họ có thể gặp gỡ và thoát khỏi không khí hối hả của thành phố tại Chợ Portobello.

### CHỌN C

#### Question 33:

**Kiến thức:** Đọc hiểu

#### Giải thích:

Du khách đến với khu vực đồ cổ có thể cảm thấy choáng ngợp vì \_\_\_\_\_.

- A. họ có thể gặp tất cả các thể loại người đến từ Anh
- B. tất cả các đồ cổ được bán ở cùng một mức giá
- C. có một số lượng lớn các cửa hàng đồ cổ ở đó
- D. tất cả đồ cổ đều hơn 300 tuổi

**Thông tin:** Visitors may feel overwhelmed as there are **over 1,000 booths** manned by antique dealers from throughout England.

**Tạm dịch:** Du khách có thể cảm thấy bị choáng ngợp vì có hơn 1.000 gian hàng từ các đại lý đồ cổ ở khắp Nước Anh.

### CHỌN C

#### Question 34:

**Kiến thức:** Từ vựng

#### Giải thích:

Từ “savour” trong đoạn 4 gần nghĩa nhất với \_\_\_\_\_

savour (n) (v): hương vị, thưởng thức

- A. see (v): nhìn
- B. prepare (v): chuẩn bị
- C. enjoy (v): thích
- D. make (v): làm

=> savour = enjoy

### CHỌN C

## Dịch bài đọc:

Du khách đến London bị ấn tượng bởi vẻ lộng lẫy và quyến rũ của một trong những thủ đô lâu đời nhất trên thế giới, chiêm ngưỡng những địa danh mang tính biểu tượng nổi tiếng như Big Ben, Cung điện Westminster và Cung điện Buckingham. Tuy nhiên, du khách khi nhìn thoáng qua cuộc sống hàng ngày của thành phố không nên bỏ lỡ Chợ Portobello, là chợ được nhiều du khách ghé thăm nhất ở Luân Đôn.

Khu chợ sôi động này đã được giới thiệu trong một số bộ phim, phim tài liệu và những cuốn sách bán chạy, nổi tiếng nhất là bộ phim "Notting Hill" với sự tham gia của Hugh Grant và Julia Roberts, đưa chợ Portobello đến với sự chú ý của khán giả trên khắp thế giới.

Chợ Portobello được chia thành nhiều phần khác nhau bán đồ cũ, quần áo, đồ trang sức, quà lưu niệm và rau. Khu vực được tìm kiếm nhiều nhất là khu dành cho đồ cổ. Du khách có thể cảm thấy bị choáng ngợp vì có hơn 1.000 gian hàng từ các đại lý đồ cổ ở khắp Nước Anh. Thật thú vị khi xem qua các máy ảnh cổ, đồng hồ, đồ gốm và các bức tranh từ 300 năm trước. Chúng được bán với giá khác nhau, do đó có thể tìm thấy vài món tốt. Dường như cả người mua và người bán đều mong đợi những ngày cuối tuần khi họ có thể gặp gỡ và thoát khỏi không khí hối hả của thành phố tại Chợ Portobello.

Khi khám phá chợ đã mệt, du khách có thể ghé vào các khu ẩm thực gần đó để thưởng thức cà ri Ấn Độ, pizza Ý hoặc bánh sandwich từ châu Âu. Thật vui khi thưởng thức một ly cappuccino trong khi nghe những nghệ sĩ đường phố biểu diễn. Đây là những niềm vui sống động của Chợ Portobello, mang lại những trải nghiệm thú vị giúp mọi người hồi tưởng những gì đã qua.

### **Question 35:**

**Kiến thức:** Đọc hiểu

### **Giải thích:**

Điều nào sau đây tốt nhất là tiêu đề cho đoạn văn?

- A. Đại học Cambridge trong nỗ lực cải thiện chữ viết tay của sinh viên
- B. Đại học Cambridge cân nhắc thay đổi cách thức thi của họ.
- C. Đại học Cambridge lại bị tấn công một lần nữa vì đã bãi bỏ các bài thi viết
- D. Đại học Cambridge đề thay thế bằng văn bản với các bài kiểm tra bằng miệng

**Thông tin:** Cambridge University is considering axing compulsory written exams, allowing students to use laptops or iPads instead, after tutors complained that students' handwriting is becoming illegible.

**Tạm dịch:** Đại học Cambridge đang cân nhắc việc thay thế kì thi bắt buộc bằng văn bản, cho phép sinh viên sử dụng máy tính xách tay hoặc iPads thay vào đó, sau khi các thầy cô phàn nàn rằng chữ viết tay của sinh viên đang trở nên không đọc được.

### **CHỌN B**

### **Question 36:**

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:**

Theo đoạn 1, Đại học Cambridge có truyền thống lâu đời \_\_\_\_\_

- A. cung cấp các hướng dẫn học tập
- B. tổ chức các kỳ thi viết tay
- C. dựa chủ yếu vào công nghệ
- D. đào tạo sinh viên trong chữ viết tay dễ đọc

**Thông tin:** Academics say the move, which would bring an end to over 800 years of tradition, has come about because students rely too heavily on laptops in lectures, and are losing the ability to write by hand.

**Tạm dịch:** Các nhà nghiên cứu nói rằng động thái này sẽ chấm dứt hơn 800 năm truyền thống, vì điều này sẽ khiến sinh viên dựa dẫm quá nhiều vào máy tính xách tay trong bài học, và đang mất đi khả năng viết.

**CHỌN B**

**Question 37:**

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:**

Từ “Those” trong đoạn 2 chỉ \_\_\_\_\_

- A. giám thị
- B. sinh viên
- D. bài làm
- D. quản trị viên

**Thông tin:** She added, "It's increasingly hard for our examiners to read students' scripts. **Those** with illegible writing are forced to come back to their college during the summer holidays to read their answers aloud in the presence of two university administrators.

**Tạm dịch:** Cô nói thêm, “Ngày càng khó khăn cho chúng tôi khi làm giám khảo để đọc bài làm của sinh viên. Những người có bài làm không đọc được buộc phải quay trở lại trường cao đẳng của họ trong suốt kỳ nghỉ hè để đọc to câu trả lời của họ trong sự chứng kiến của hai quản lý của hai trường đại học.

**CHỌN B**

**Question 38:**

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:**

Từ “deteriorates” (làm cho xấu hơn ) trong đoạn 3 gần nghĩa nhất với \_\_\_\_\_.

- A. remains unchanged: vẫn không thay đổi
- B. becomes more important: trở nên quan trọng
- C. improves gradually: cải thiện dần dần
- D. gets worse and worse: trở nên tồi tệ hơn

deteriorates: = gets worse and worse

**Thông tin:** Sir Anthony Seldon, Vice-Chancellor of the University of Buckingham, said it is inevitable that universities will move to computers as handwriting **deteriorates** in the coming years.

**Tạm dịch:** Ông Anthony Seldon, Phó Hiệu trưởng Đại học Buckingham, chỉ biết không thể tránh khỏi rằng các trường đại học sẽ chuyển sang dùng máy tính khi chữ viết tay trở nên tồi tệ hơn trong năm tới.

### CHỌN D

#### Question 39:

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:**

Có thể được suy ra từ những gì Ông Anthony Seldon nói trong đoạn 3 rằng \_\_\_\_\_.

- A. trường học trong nước thường có nhiều thời gian hơn để thực hành chữ viết tay
- B. trường học trong nước đã thất bại trong việc bảo tồn vẻ đẹp của tiếng Anh
- C. chữ viết tay của người dân thường phản ánh trí thông minh và khả năng ngôn ngữ của họ
- D. phần lớn các bác sĩ những ngày này không còn viết đơn thuốc bằng tay

**Thông tin:** "We have to accept the reality. Handwriting has now become an optional, not a necessary, part of education. "

**Tạm dịch:** "Chúng ta phải chấp nhận thực tế. Chữ viết tay đã trở thành một tùy chọn, không phải là một cần thiết – một phần của giáo dục."

### CHỌN A

#### Question 40:

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

scrapping (v): hủy bỏ, loại bỏ

- A. reconsidering (v): xem xét
- B. eliminating (v): loại bỏ
- C. introducing (v): giới thiệu
- D. discouraging (v): làm nản lòng

=> scrapping = eliminating

### CHỌN B

#### Question 41:

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:**

Theo đoạn 4, viết bằng tay có thể \_\_\_\_\_

- A. nâng cao khả năng ghi nhớ thông tin

- B. đảm bảo hiệu suất học tập mong muốn
- C. tạo thuận lợi cho quá trình trao đổi thông tin
- D. làm giảm sinh viên áp lực không cần thiết

**Thông tin:** She said, "It's vital that people continue to write by hand. Writing by hand improves memory and equates to a higher rate of comprehension and information retention."

**Tạm dịch:** Cô nói: "Điều quan trọng là mọi người tiếp tục viết bằng tay. Viết bằng tay cải thiện trí nhớ và tương đương với tỷ lệ hiểu và lưu giữ thông tin cao hơn".

### CHỌN A

#### Question 42:

**Kiến thức:** Đọc hiểu

#### Giải thích:

Câu nào sau đây đúng theo đoạn văn?

- A. Đại học Cambridge thoát khỏi chữ viết tay đã làm một ví dụ điển hình cho các trường khác đi theo.
- B. Sarah Pearsall thừa nhận chữ viết tay như một hình thức nghệ thuật được bảo tồn trong thế hệ sinh viên hiện tại của Đại học Cambridge.
- C. Sir Anthony Seldon tuyên bố rằng việc học sử dụng tiếng Anh tuyệt vời là quan trọng hơn học cách viết bằng tay đẹp mắt.
- D. Hầu hết các giảng viên tại Cambridge đều hoài nghi về quyết định của trường đại học bài kiểm tra viết tay.

**Thông tin:** "Handwriting is not necessary for great thought, great English, or great intelligence. Some of our finest wordsmiths today write using laptops, and we have to fight to preserve what is really important, such as the use of great English or great sentence structures."

**Tạm dịch:** "Chữ viết tay không cần thiết cho các ý tưởng vĩ đại, tiếng Anh tuyệt vời hay sự thông minh tuyệt vời. Một trong số những đỉnh cao của chúng ta ngày nay là sử dụng máy tính xách tay, và chúng ta phải chiến đấu để giữ gìn những gì thực sự quan trọng, chẳng hạn như việc sử dụng các cấu trúc câu tiếng Anh hay tuyệt vời hơn."

### CHỌN C

#### Dịch bài đọc:

Đại học Cambridge đang cân nhắc việc thay thế kì thi bắt buộc bằng văn bản, cho phép sinh viên sử dụng máy tính xách tay hoặc iPads thay vào đó, sau khi các thầy cô phàn nàn rằng chữ viết tay của sinh viên đang trở nên không đọc được. Các nhà nghiên cứu nói rằng động thái này sẽ chấm dứt hơn 800 năm truyền thống, vì điều này sẽ khiến sinh viên dựa dẫm quá nhiều vào máy tính xách tay trong bài học, và đang mất đi khả năng viết.

Tiến sĩ Sarah Pearsall, một giảng viên cấp cao tại Đại học Cambridge, cho biết chữ viết tay đang trở thành "mất tính nghệ thuật" giữa các thế hệ sinh viên hiện tại. Cô nói thêm, "Ngày càng khó khăn cho chúng

tôi khi làm giám khảo để đọc bài làm của sinh viên. Những người có bài làm không đọc được buộc phải quay trở lại trường cao đẳng của họ trong suốt kỳ nghỉ hè để đọc to câu trả lời của họ trong sự chứng kiến của hai quản lý của hai trường đại học. Thật đáng khen ngợi rằng trường đại học đang xem xét cải cách việc kiểm tra thực hành”.

Ông Anthony Seldon, Phó Hiệu trưởng Đại học Buckingham, chỉ biết không thể tránh khỏi rằng các trường đại học sẽ chuyển sang dùng máy tính khi chữ viết tay trở nên tồi tệ hơn trong năm tới. “Chúng ta phải chấp nhận thực tế. Chữ viết tay đã trở thành một tùy chọn, không phải là một cần thiết – một phần của giáo dục. Đơn giản là không phải giống với thời gian để học viết chữ đẹp, thanh lịch. Cuộc sống bây giờ thật nhanh chóng. Mọi người đều viết như thể họ là một bác sĩ kê đơn.” Ông nói. “Chữ viết tay không cần thiết cho các ý tưởng vĩ đại, tiếng Anh tuyệt vời hay sự thông minh tuyệt vời. Một trong số những đỉnh cao của chúng ta ngày này là sử dụng máy tính xách tay, và chúng ta phải chiến đấu để giữ gìn những gì thực sự quan trọng, chẳng hạn như việc sử dụng các cấu trúc câu tiếng Anh hay tuyệt vời hơn.”

Tuy nhiên, những người khác không phải là rất tích cực về động thái này. Tracey Trussell, một chuyên gia chữ viết tay, đã kêu gọi Cambridge đảm bảo rằng sinh viên tiếp tục viết bằng tay. Cô nói: “Điều quan trọng là mọi người tiếp tục viết bằng tay. Viết bằng tay cải thiện trí nhớ và tương đương với tỷ lệ hiểu và lưu giữ thông tin cao hơn”. Ngoài ra còn có những lo ngại rằng các trường học có thể làm theo Cambridge bằng cách thoát khỏi chữ viết tay. Tiến sĩ Jane Medwell, Phó giáo sư Giáo dục tại Đại học Nottingham, liên quan đến việc loại bỏ các cuộc thi viết tay trong trường đại học có thể “giảm áp lực chương trình học” ở trường tiểu học và trung học.

#### **Question 43:**

**Kiến thức:** Vị trí của trạng từ

**Giải thích:**

Trạng từ đứng giữa chủ ngữ “I” và động từ chính “go”

go usually => usually go

**Tạm dịch:** Bạn của tôi và tôi thường đến công viên vào cuối tuần.

**CHỌN B**

#### **Question 44:**

**Kiến thức:** Câu bị động

**Giải thích:**

Cấu trúc bị động với động từ khuyết thiếu: can + be + Ved/ V3

can find => can be found

**Tạm dịch:** Thông tin về người La Mã **có thể được tìm thấy** không những trong những quyển sách này mà còn trên Internet.

**CHỌN B**

**Question 45:**

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

entrance (n): lối vào

entry (n): thông tin được viết

entrances => entries

**Tạm dịch:** Có nhiều thông tin được cập nhật trong phiên bản từ điển bách khoa mới nhất.

**CHỌN B**

**Question 46:**

**Kiến thức:** Câu so sánh

**Giải thích:**

So sánh hơn: more + tính từ dài + than

So sánh bằng: as + tính từ + as

**Tạm dịch:** Ở Việt Nam, bóng đá phổ biến hơn bóng rổ.

A. Ở Việt Nam, bóng rổ không phổ biến bằng bóng đá. => đúng

B. Ở Việt Nam, bóng rổ phổ biến hơn bóng đá. => sai về nghĩa

C. Ở Việt Nam, bóng đá không phổ biến bằng bóng rổ. => sai về nghĩa

D. Ở Việt Nam, bóng đá phổ biến như bóng rổ. => sai về nghĩa

**CHỌN A**

**Question 47:**

**Kiến thức:** Tường thuật câu hỏi

**Giải thích:**

Cấu trúc khi tường thuật câu hỏi: S asked + O + wh- + S + V (lùi thì)

“are you going to” đổi thành “she was going to”

**Tạm dịch:** Kevin hỏi: “ Sau giờ học bạn định làm gì, Anne?”

= Kevin hỏi Anne cô ấy dự định làm gì sau giờ học.

**CHỌN B**

**Question 48:**

**Kiến thức:** Động từ khuyết thiếu

**Giải thích:**

needn't have Ved/ V3: đáng lẽ ra không cần... (nhưng đã làm rồi)

might not have + Ved/ V3: có thể đã không...

may not have Ved/ V3: không thể đã...

couldn't have Ved/ V3: không thể đã...

was/ were not necessary = needn't have Ved/ V3

**Tạm dịch:** Sally đã trả tiền đi lại trước, nhưng điều đó không cần thiết.

= Sally đáng lẽ ra không cần trả tiền đi lại trước.

### CHỌN A

#### Question 49:

**Kiến thức:** Câu ao ước

**Giải thích:**

Để diễn tả điều ao ước hối tiếc cho sự việc đã xảy ra trong quá khứ ta dùng:

S + wish/ wishes + S + had Ved/ V3

**Tạm dịch:** Jenifer đã từ chối lời đề nghị công việc. Bây giờ cô ấy hối tiếc.

= Jenifer ước gì cô ấy đã không từ chối lời đề nghị công việc.

### CHỌN C

#### Question 50:

**Kiến thức:** Thì quá khứ đơn và quá khứ hoàn thành

**Giải thích:**

Thì quá khứ hoàn thành ( had Ved/ V3) diễn tả hành động đã xảy ra và hoàn thành trước hành động khác trong quá khứ ( Ved/ V2)

Cấu trúc: Only after + had + S + Ved/ V3 did + S + V (Chỉ sau khi... thì...)

**Tạm dịch:** Mike đã trở thành bố. Anh ấy ý thức mạnh mẽ tinh thần trách nhiệm mạnh mẽ với bố mẹ mình.

= Chỉ sau khi Mike đã trở thành bố thì anh ấy ý thức mạnh mẽ tinh thần trách nhiệm mạnh mẽ với bố mẹ mình.

### CHỌN B